

Số: 39/2022/QĐST- DS

Việt Trì, ngày 16 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Căn cứ vào các điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tạ Hồng C có đơn xin rút đơn khởi kiện là phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 72/2022/TLST- DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Đức Th, sinh năm 1989.

ĐKHKTT: Khu a, xã H, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Tạ Hồng C, sinh năm 1949.

ĐKHKTT: Phường N, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1958.

ĐKHKTT: Khu a, xã H, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1959;

2. Anh Bùi Thanh H, sinh năm 1990;

3. Chị Trần Thị N, sinh năm 1990;

4. Ông Lê Thanh B, sinh năm 1960.

Đều ĐKHKTT: Khu a, xã H, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tâm, bà Khoa và anh Hùng:

Chị Trần Thị Nga, sinh năm 1990.

ĐKHKTT: Khu a, xã H, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

2.1. Anh Lê Đức Th có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

2.2. Về án phí: Hoàn trả cho anh Lê Đức Th số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí. Theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0009325 ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS thành phố Việt Trì;
- Chi cục THA DS tp Việt Trì
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu Trang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST- KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).

